TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 08-09-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Võ Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh.

2/ Bà Cao Thị Kim Yến.

Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 230/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST–DS ngày 24 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu N – Sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Thu N: Bà Nguyễn Thị Kim T – Sinh năm 1995. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2022 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông Đặng Ngọc T – Sinh năm 1967 (vắng mặt, không có lý do).

Địa chỉ: Thôn LH, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 và tại bản khai nguyên đơn bà Phan Thị Thu N do bà Nguyễn Thị Kim T đại diện theo ủy quyền khai:

Do quen biết, ông Tân có vay mượn tiền nhiều lần trước đây và ở cùng xã nên ngày 24/5/2011 âm lịch (nhằm ngày 25/6/2011), ông Đặng Ngọc T có vay của bà Nguyệt số tiền 40.000.000đồng, có viết giấy mượn tiền mặt đề ngày 24/5/2011 với nội dung nếu bà Nguyệt cần tiền lấy lại thì báo trước cho ông Tân một hoặc hai tháng ông Tân sẽ trả đủ tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất đối với tiền vay. Sau khi lập giấy mượn tiền bà Nguyệt đã giao đủ cho ông Tân số tiền 40.000.000đồng. Khi vay tiền chỉ có ông Tân đến nhà bà Nguyệt, ông Tân có nói vay số tiền này để sử dụng cá nhân không liên quan gì đến vợ ông Tân và số tiền trên là tài sản của cá nhân bà Phan Thị Thu N không liên quan gì đến ai. Do đó, bà Nguyệt xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông Đặng Ngọc T phải trả số tiền nợ.

Đến khoảng năm 2017, bà Nguyệt yêu cầu trả số tiền nợ nhưng ông Tân không trả mà còn thách thức, chữi mắng, xúc phạm bà. Sau đó, bà Nguyệt có gửi đơn yêu cầu giải quyết tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Liêm, tại Ủy ban ông Tân hứa sẽ trả tiền nhưng vẫn không thực hiện. Việc giải quyết tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Liêm chỉ nói chuyện thỏa thuận bằng miệng không lập biên bản giải quyết gì.

Tháng 11/2021, bà Nguyệt có gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, khi Tòa án chưa thụ lý đơn khởi kiện thì ông Tân nghe tin và có đến trả được 5.000.000đồng, viết giấy tay cam kết sẽ trả 2.500.000đồng trong vòng 6 tháng. Nhưng đến nay ông Tân vẫn không trả số tiền còn lại.

Bà Phan Thị Thu N yêu cầu ông Đặng Ngọc T phải trả số tiền nợ 35.000.000đồng.

Bị đơn ông Đặng Ngọc T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tụng tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền nguyên đơn đã cho vay mượn. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Liêm Hòa, xã Hồng Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình

Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Thủy vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/8/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Đặng Ngọc T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của bộ luật này thì áp dụng quy định của bộ luật này. Do đó, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp trong vụ án này.

[3] Về nội dung:

Ngày 24/5/2011 âm lịch (nhằm ngày 25/6/2011), bà Phan Thị Thu N có cho ông Đặng Ngọc T vay số tiền 40.000.000đồng, có viết giấy mượn tiền mặt đề ngày 24/5/2011, hai bên thỏa thuận khi nào bà Nguyệt cần lấy lại tiền phải báo trước ông Tân khoảng 01 tháng đến 02 tháng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất đối với tiền vay, theo nguyên đơn khai khi vay tiền chỉ có ông Tân đến nhà bà Nguyệt, ông Tân có nói vay số tiền này để sử dụng cá nhân không liên quan gì đến vợ ông Tân và số tiền 40.000.000đồng bà Nguyệt giao trực tiếp cho ông Tân tại nhà của bà Nguyệt. Như vậy, giao dịch giữa bà Phan Thị Thu N và ông Đặng Ngọc T là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 (tại thời điểm ký kết hợp đồng vay tài sản) nay là Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo bà Nguyệt trình bày đã thông báo trước cho ông Tân hơn 2 tháng (vào khoảng năm 2017) về việc lấy lại số tiền đã cho vay. Ngày 20/8/2021 ông Tân có trả số tiền 5.000.000đồng cho bà Nguyệt, số tiền nợ còn lại là

35.000.000đồng. Đến nay, ông Tân vẫn chưa thanh toán hết số tiền đã vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận. Ông Đặng Ngọc T không đến Tòa án, không đưa ra ý kiến.

Vì vậy, căn cứ vào Giấy mượn tiền mặt đề ngày 24/5/2011 có chữ viết, chữ ký tên, ghi họ tên của ông Đặng Ngọc T và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu N.

Về tiền lãi chậm trả bà Phan Thị Thu N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Đặng Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 95, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự sự năm 2015**.**

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu N đối với ông Đặng Ngọc T về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Đặng Ngọc T phải có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Thu N số tiền 35.000.000đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. *Về án phí:*

Ông Đặng Ngọc T phải chịu 1.750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị Thu N số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0011002 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Võ Văn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Võ Văn